

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DÀU KHÍ PHÚ YÊN
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Định	Thành viên
Ông Hoàng Đình Tùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 12 năm 2014)
Ông Lê Duy Tường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01 năm 01 năm 2015)
Bà Mai Bích Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Định	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thái Định
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

Số: 660 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2015 từ trang 3 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công Ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 10 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Tùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1941-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		78.831.405.004	165.438.126.616
I. Tiền	110	5	442.186.259	592.972.731
1. Tiền	111		442.186.259	592.972.731
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.749.534.396	87.151.530.021
1. Phải thu khách hàng	131		43.561.972.817	56.639.215.026
2. Trả trước cho người bán	132		15.250.646.358	268.375.000
3. Các khoản phải thu khác	135	6	50.630.468.531	60.618.202.041
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(44.693.553.310)	(30.374.262.046)
III. Hàng tồn kho	140	7	12.874.421.198	72.923.861.197
1. Hàng tồn kho	141		12.874.421.198	72.923.861.197
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		765.263.151	4.769.762.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		765.263.151	4.123.611.676
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	28.150.991
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	618.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		47.783.041.880	38.167.303.289
I. Tài sản cố định	220		29.385.114.387	24.081.053.702
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	23.091.469.933	17.457.818.002
- Nguyên giá	222		63.299.770.983	59.971.078.335
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.208.301.050)	(42.513.260.333)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	6.226.869.000	6.226.869.000
- Nguyên giá	228		6.226.869.000	6.226.869.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		66.775.454	396.366.700
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.360.000.000	9.360.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	9.360.000.000	9.360.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		9.037.927.493	4.726.249.587
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	6.875.267.139	4.726.249.587
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	2.162.660.354	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		126.614.446.884	203.605.429.905

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MÃ SỐ B 01-DN	
			Đơn vị: VND	Đơn vị: VND
			31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		24.242.888.998	110.706.669.636
I. Nợ ngắn hạn	310		24.242.888.998	110.706.669.636
1. Vay ngắn hạn	311		-	50.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		2.242.840.178	43.557.192.924
3. Người mua trả tiền trước	313		1.303.682.340	319.469.980
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	13.177.735.945	13.793.532.902
5. Phải trả người lao động	315		3.909.907.187	1.848.170.837
6. Chi phí phải trả	316		2.142.849.462	373.811.598
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		245.924.281	447.442.549
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.219.949.605	367.048.846
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		102.371.557.886	92.898.760.269
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	102.371.557.886	92.898.760.269
1. Vốn cổ phần	411		82.400.000.000	82.400.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.272.415.433	3.553.768.908
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.297.498.213	3.742.528.666
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.401.644.240	3.202.462.695
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		126.614.446.884	203.605.429.905
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
		Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ		VND	40.016.096.234	132.044.134.241


 Nguyễn Thị Hồng Phương
 Người lập biểu


 Trần Văn Hay
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thái Định
 Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	2.605.755.738.892	3.046.032.333.918
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	94.183.747.900	97.932.680.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	2.511.571.990.992	2.948.099.653.418
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	2.439.196.905.925	2.865.256.172.888
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		72.375.085.067	82.843.480.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.909.700.037	82.320.915
7. Chi phí tài chính	22	20	53.055.482	7.655.982.166
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.667.589	7.649.459.706
8. Chi phí bán hàng	24		36.937.505.789	31.457.004.467
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.270.889.338	45.071.507.182
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		6.023.334.495	(1.258.692.370)
11. Thu nhập khác	31		9.051.160.617	7.676.695.858
12. Chi phí khác	32		1.170.316.299	1.110.800
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	21	7.880.844.318	7.675.585.058
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.904.178.813	6.416.892.688
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	4.967.448.229	2.641.697.530
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	22	(2.162.660.354)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.099.390.938	3.775.195.158
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.347	458



Nguyễn Thị Hồng Phương
 Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2015



Trần Văn Hay
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Định
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>13.904.178.813</i>	<i>6.416.892.688</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.290.457.362	4.094.881.969
Các khoản dự phòng	03	14.319.291.264	25.922.455.990
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.386.941.616)	(82.320.915)
Chi phí lãi vay	06	48.667.589	7.649.459.706
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>29.175.653.412</i>	<i>44.001.369.438</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	9.056.782.352	(2.489.532.059)
Thay đổi hàng tồn kho	10	60.049.439.999	89.895.231.339
Thay đổi các khoản phải trả	11	(40.438.783.374)	(5.379.255.334)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.209.330.973	1.813.667.836
Tiền lãi vay đã trả	13	(152.000.922)	(7.546.126.373)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.519.086.854)	(1.900.835.917)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	600.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(560.392.561)	(1.351.676.655)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>55.420.943.025</i>	<i>117.042.842.275</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác	21	(9.413.254.468)	(16.122.201.602)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.932.120.909	-
3. Tiền thu hồi cho vay	24	-	69.756.845.265
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.909.404.062	2.590.214.774
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(5.571.729.497)</i>	<i>56.224.858.437</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	-	989.222.968.500
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.000.000.000)	(1.152.014.209.684)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	-	(11.085.969.150)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(50.000.000.000)</i>	<i>(173.877.210.334)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>(150.786.472)</i>	<i>(609.509.622)</i>
Tiền đầu năm	60	592.972.731	1.202.482.353
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	442.186.259	592.972.731

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác trong năm không bao gồm 657.891.689 VND (năm 2013 là 298.001.150 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán, và bao gồm 927.927.000 VND là số tiền ứng trước cho các nhà thầu trong năm nhưng chưa được nghiệm thu công trình.

Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân thay đổi các khoản phải thu và phải trả.



Nguyễn Thị Hồng Phương
Người lập biểu



Trần Văn Hay
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Định
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên. Sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 29 tháng 4 năm 2011, Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên đã thông qua phương án tách Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên thành hai đơn vị riêng biệt: Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên và Công ty Cổ phần Điều Phú Yên.

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên trước đây là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vật tư Tổng hợp Phú Yên theo Quyết định số 482/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Đầu tư Kinh doanh Vốn nhà nước.

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400114094 ngày 25 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 150 (31 tháng 12 năm 2013: 133).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là mua bán xăng dầu và các sản phẩm xăng dầu; mua bán nông lâm thủy sản; mua bán khí đốt; vận tải hàng hóa (kể cả vận tải chất lỏng); sản xuất, chế biến hàng nông lâm sản xuất khẩu; xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản; nhập khẩu xăng, dầu, vật tư, dầu nhớt, khí đốt, máy móc, thiết bị phục vụ cho nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) và ngành xây dựng; nông lâm sản; phương tiện vận tải; hàng hóa tiêu dùng.

Hoạt động chính của Công ty là bán lẻ, bán buôn xăng dầu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí dịch vụ thuê ngoài nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với tài sản cố định nhận bàn giao khi chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chi phí khấu hao bằng giá trị còn lại của tài sản theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 chia số năm khấu hao còn lại tại ngày này. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu giá trị lợi thế kinh doanh và các khoản trả trước tiền thuê đất.

Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á được Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước phê duyệt. Lợi thế kinh doanh được phân bổ đều trong vòng ba (3) năm, bắt đầu từ năm tài chính đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần (năm 2010). Từ tháng 8 năm 2011, giá trị còn lại chờ phân bổ tại ngày 31 tháng 7 năm 2011 được phân bổ đều trong vòng năm (5) năm.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN157-159 Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	351.262.193	415.086.222
Tiền gửi ngân hàng	90.924.066	177.886.509
	<u>442.186.259</u>	<u>592.972.731</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Các khoản phải thu khác chủ yếu thể hiện khoản lãi cho vay phải thu từ Công ty Cổ Phần Điều Phú Yên. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thu hồi được lãi cho vay và theo đó đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khoảng 44.551 triệu VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

157-159 Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa

Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	296.343.709	326.667.629
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	5.951.161.000
Thành phẩm	-	41.629.259.263
Hàng hoá - Xăng dầu (i)	12.578.077.489	17.594.284.894
Hàng hoá - Nhân hạt điều	-	53.185.990
Hàng gửi đi bán	-	7.369.302.421
Cộng	12.874.421.198	72.923.861.197

(i) Bao gồm 638.905 lít xăng RON 92 trị giá 9.667.948.794 đồng cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL) mượn tại Kho Xăng dầu Vũng Rô.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	40.420.363.876	4.650.549.679	14.857.502.962	42.661.818	59.971.078.335
Mua sắm mới	-	934.169.973	1.081.818.182	50.483.636	2.066.471.791
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.435.610.189	-	-	-	8.435.610.189
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.050.000.000)	-	(7.050.000.000)
Giảm khác	(123.389.332)	-	-	-	(123.389.332)
Tại ngày 31/12/2014	48.732.584.733	5.584.719.652	8.889.321.144	93.145.454	63.299.770.983
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	30.799.476.660	1.113.416.699	10.564.222.941	36.144.033	42.513.260.333
Khấu hao trong năm	2.858.752.845	562.826.346	847.836.324	21.041.847	4.290.457.362
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.595.416.645)	-	(6.595.416.645)
Tại ngày 31/12/2014	33.658.229.505	1.676.243.045	4.816.642.620	57.185.880	40.208.301.050
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	15.074.355.228	3.908.476.607	4.072.678.524	35.959.574	23.091.469.933
Tại ngày 31/12/2013	9.620.887.216	3.537.132.980	4.293.280.021	6.517.785	17.457.818.002

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 36.421.399.867 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 713.922.680 VND).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn tại đường Hùng Vương, thành phố Tuy Hòa và quyền sử dụng đất tại huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	Huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	39	Kinh doanh gas công nghiệp và gas dân dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày cuối năm như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh	2.896.733.619	4.726.249.587
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.978.533.520	-
	<u>6.875.267.139</u>	<u>4.726.249.587</u>

Biến động giá trị lợi thế kinh doanh trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh		
Tại ngày 01 tháng 01	4.726.249.587	6.555.765.555
Phân bổ trong năm	(1.829.515.968)	(1.829.515.968)
Tại ngày 31 tháng 12	2.896.733.619	4.726.249.587

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận liên quan tới chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của khoản dự phòng phải thu khó đòi đối với phần lãi cho vay còn phải thu từ Công ty Cổ phần Điều Phú Yên được xác định theo thuế suất dự tính 22% sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.128.090.324	2.995.581.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.817.452.628	1.358.106.572
Thuế thu nhập cá nhân	172.335.743	-
Thuế bảo vệ môi trường	7.041.245.250	9.439.845.200
Các loại thuế khác	18.612.000	-
	<u>13.177.735.945</u>	<u>13.793.532.902</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2014</u>	<u>Số phải nộp</u> <u>trong năm</u>	<u>Số đã nộp</u> <u>trong năm</u>	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2014</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.995.581.130	14.799.645.331	14.667.136.137	3.128.090.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.358.106.572	4.978.432.910	3.519.086.854	2.817.452.628
Thuế thu nhập cá nhân	(28.150.991)	316.887.078	116.400.344	172.335.743
Thuế bảo vệ môi trường	9.439.845.200	94.183.747.900	96.582.347.850	7.041.245.250
Các loại thuế khác	-	1.057.751.602	1.039.139.602	18.612.000
Tổng	13.765.381.911	115.336.464.821	115.924.110.787	13.177.735.945
Trong đó:				
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	28.150.991			-
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		13.793.532.902		13.177.735.945

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN157-159 Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	82.400.000.000	3.553.768.908	3.553.768.908	11.474.106.569	100.981.644.385
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.775.195.158	3.775.195.158
Trích lập các quỹ trong năm	-	188.759.758	-	(566.279.274)	(377.519.516)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.124.000.000)	(11.124.000.000)
Trích thưởng ban điều hành	-	-	-	(151.259.758)	(151.259.758)
Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	(205.300.000)	(205.300.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	82.400.000.000	3.742.528.666	3.553.768.908	3.202.462.695	92.898.760.269
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.099.390.938	11.099.390.938
Trích lập các quỹ trong năm	-	554.969.547	3.718.646.525	(5.383.555.166)	(1.109.939.094)
Trích thưởng ban điều hành	-	-	-	(242.969.547)	(242.969.547)
Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	(225.200.000)	(225.200.000)
Giảm khác	-	-	-	(48.484.680)	(48.484.680)
Số dư tại ngày 31/12/2014	82.400.000.000	4.297.498.213	7.272.415.433	8.401.644.240	102.371.557.886

Trong năm, Công ty đã thực hiện tạm trích các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 theo tỷ lệ được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2014 với số tiền tương ứng là 554.969.547 VND, 3.718.646.525 VND, 1.109.939.094 VND, 242.969.547 VND và 225.200.000 VND.

Cổ phiếu

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.240.000	8.240.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.240.000	8.240.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Vốn cổ phần

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	Số cổ phiếu	%	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	5.531.360	67	55.313.600.000	55.313.600.000
Ông Đỗ Tiến Cường	728.710	9	7.287.100.000	7.287.100.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn Hà Nội	514.037	6	5.140.370.000	5.140.370.000
Bà Lê Thị Liên	512.510	6	5.125.100.000	5.125.100.000
Các cổ đông khác	953.383	12	9.533.830.000	9.533.830.000
	8.240.000	100	82.400.000.000	82.400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU VÀ KHÍ PHỤ YÊN

157-159 Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa

Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý vì hoạt động chính của Công ty là mua bán xăng dầu và các sản phẩm xăng dầu, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Mặc dù, trong năm nay Công ty có tiến hành kinh doanh mặt hàng nhân hạt điều, nhưng tỷ lệ doanh thu từ mặt hàng này không chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.543.017.014.630	2.637.798.414.960
Doanh thu bán hạt điều	57.112.437.883	403.097.478.279
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.626.286.379	5.136.440.679
	<u>2.605.755.738.892</u>	<u>3.046.032.333.918</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế bảo vệ môi trường	(94.183.747.900)	(97.932.680.500)
	<u>2.511.571.990.992</u>	<u>2.948.099.653.418</u>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.382.558.717.371	2.466.085.587.958
Giá vốn bán hạt điều	56.638.188.554	399.170.584.930
	<u>2.439.196.905.925</u>	<u>2.865.256.172.888</u>

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.736.376.158	202.938.666.950
Chi phí nhân công	22.247.356.394	17.468.263.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.290.457.362	4.094.881.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.474.833.114	84.599.847.235
Chi phí khác bằng tiền	20.416.025.653	38.149.299.578
	<u>125.165.048.681</u>	<u>347.250.958.753</u>

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	37.404.062	250.214.774
Lãi đầu tư tài chính ngắn hạn	-	3.511.739.888
Điều chỉnh lãi đầu tư tài chính ngắn hạn	-	(6.055.326.397)
Cổ tức được chia	1.872.000.000	2.340.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	295.975	35.692.650
	<u>1.909.700.037</u>	<u>82.320.915</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

157-159 Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa

Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	48.667.589	7.649.459.706
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.387.893	6.522.460
	<u>53.055.482</u>	<u>7.655.982.166</u>

21. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thu nhập từ kiểm kê thừa hàng tồn kho	6.953.029.875	7.432.307.118
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	1.932.120.909	-
Thu nhập từ tiền phạt hợp đồng	-	122.809.234
Thu nhập khác	166.009.833	121.579.506
	<u>9.051.160.617</u>	<u>7.676.695.858</u>
Chi phí thanh lý TSCĐ	1.093.409.775	-
Chi phí khác	76.906.524	1.110.800
	<u>1.170.316.299</u>	<u>1.110.800</u>
Lợi nhuận khác	<u>7.880.844.318</u>	<u>7.675.585.058</u>

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	13.904.178.813	6.416.892.688
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.872.000.000)	(6.739.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.547.131.318	6.451.578.773
Thu nhập chịu thuế	22.579.310.131	6.129.471.461
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm	4.967.448.229	1.532.367.865
Thuế thu nhập doanh nghiệp kê khai bổ sung của năm trước	-	1.109.329.665
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.967.448.229	2.641.697.530
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Thuyết minh 12)	(2.162.660.354)	-
	<u>2.804.787.875</u>	<u>2.641.697.530</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.099.390.938	3.775.195.158
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.099.390.938	3.775.195.158
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	8.240.000	8.240.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.347</u>	<u>458</u>

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.477.369.425	1.201.650.343

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.707.919.940	1.068.845.800
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.001.563.130	3.307.258.639
Sau năm năm	1.935.377.337	2.199.261.677
	<u>6.644.860.407</u>	<u>6.575.366.116</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất ở các cửa hàng xăng dầu tại tỉnh Phú Yên từ ngày 01 tháng 12 năm 2006 đến ngày 23 tháng 11 năm 2024.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	50.000.000.000
Trừ: Tiền	(442.186.259)	(592.972.731)
Nợ thuần	-	49.407.027.269
Vốn chủ sở hữu	102.371.557.886	92.898.760.269
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	<u>0,53</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	442.186.259	592.972.731
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.498.888.038	86.883.155.021
Tài sản tài chính khác	-	618.000.000
Tổng cộng	49.941.074.297	88.094.127.752
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	-	50.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	2.488.764.459	44.004.635.473
Chi phí phải trả	2.142.849.462	373.811.598
Tổng cộng	4.631.613.921	94.378.447.071

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa (xăng dầu và nhân hạt điều) từ các nhà cung cấp trong nước và công ty mẹ để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa (xăng dầu và nhân hạt điều).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>
31/12/2014	
Tiền	442.186.259
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.498.888.038
Tài sản tài chính khác	-
Tổng cộng	<u>49.941.074.297</u>
31/12/2014	
Phải trả người bán và phải trả khác	2.488.764.459
Chi phí phải trả	2.142.849.462
Tổng cộng	<u>4.631.613.921</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>45.309.460.376</u>
	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>
31/12/2013	
Tiền	592.972.731
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.883.155.021
Tài sản tài chính khác	618.000.000
Tổng cộng	<u>88.094.127.752</u>
31/12/2013	
Vay ngắn hạn	50.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	44.004.635.473
Chi phí phải trả	373.811.598
Tổng cộng	<u>94.378.447.071</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(6.284.319.319)</u>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn vì các khoản phải trả phát sinh từ các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 26.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN157-159 Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	Trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Trong cùng Tổng Công ty
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	Trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	Trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	Trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Công ty liên kết với công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Quảng Ngãi	Chi nhánh công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	108.725.266	221.147.990
Dịch vụ mua ngoài		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	1.778.996.574	69.910.337.988
Cán trừ công nợ		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	-	95.072.418.209
Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	-	304.811.771.719
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.371.409.537.330	2.414.618.747.449
Cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.873.530.310	3.533.652.927
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	351.739.937	534.523.273
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	393.973.627	372.522.712
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	118.050.697	113.063.262
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	1.027.541.636	694.061.943
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	76.653.987	40.513.640
Công ty Cổ phần Dầu khí Bình Thuận	90.135.155	57.379.831
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	19.538.601	14.867.473
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	120.098.271	32.421.114
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	69.441.315	2.886.570
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	86.033.136	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	1.193.869	349.913
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	39.184.707	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

157-159 Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa

Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan (Tiếp theo):**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	1.872.000.000	2.340.000.000
Chia cổ tức		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	7.467.336.000
Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	-	3.511.739.888
Điều chỉnh giảm lãi cho vay	-	(6.055.326.397)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lương và các khoản phụ cấp	1.357.614.289	1.553.050.397

Số dư với các bên liên quan:


	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	1.797.000	7.578.494.600
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	22.324.724	73.055.702
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	35.423.764	24.940.868
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	80.130.800	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	20.627.381	13.130.537
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	5.120.034	7.862.706
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	5.250.646	3.920.235
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.110.918.128	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	2.504.592	4.786.282
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	20.635.773	905.102
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	194.933	2.542.140
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	14.234.847	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	4.681.670	-
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	50.604.952.041	60.604.952.041
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	9.360.000.000	9.360.000.000
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	13.359.981.988	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN157-159 Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo):**

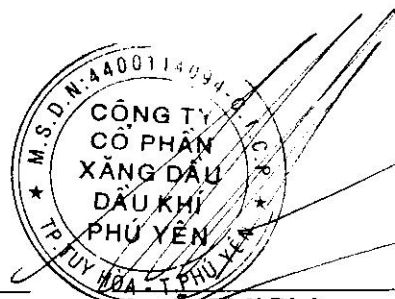
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	39.509.065.096
Tổng Công ty Dầu Việt Nam- Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	7.859.482	-
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Quảng Ngãi	-	26.276.584
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	-	2.673.956.471
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	324.900.000	342.000.000



Nguyễn Thị Hồng Phương
Người lập biểu



Trần Văn Hay
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Định
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2015